ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG KON TUM

ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG KHU VỰC PHÍA NAM PHƯỜNG TRƯỜNG CHINH, TP KON TUM (ĐƯỜNG QUY HOẠCH TẠ QUANG BỬU - ĐOẠN TỪ ĐƯỜNG U RE ĐẾN ĐƯỜNG TRẦN PHÚ, PHƯỜNG KON TUM, TỈNH QUẢNG NGÃI)

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH

B

Tỷ lệ xích 1CM

0M 20M 40M 80M

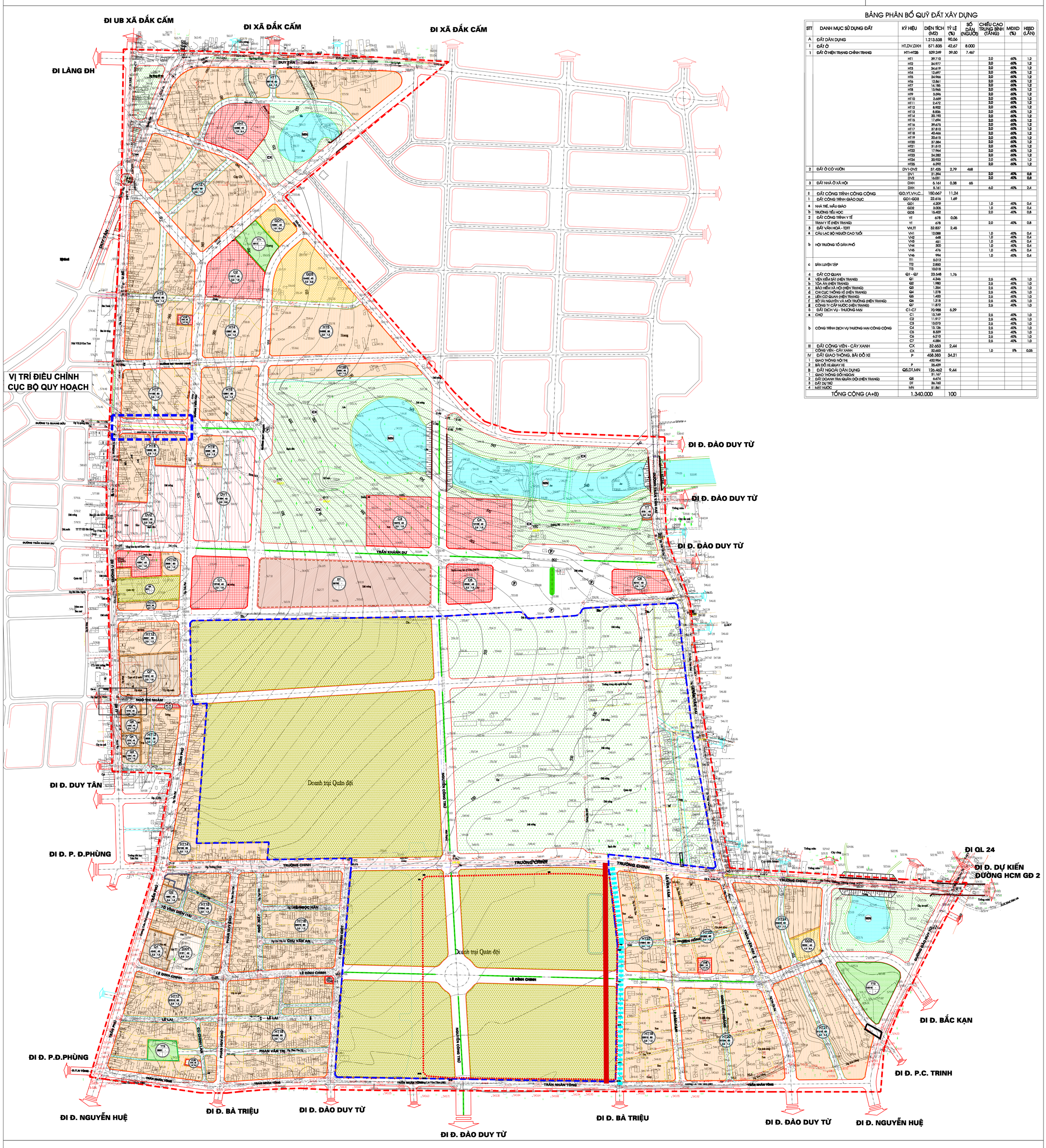

BẢNG PHÂN BỔ QUỸ ĐẤT XÂY DỰNG

STT	DANH MỤC SỬ DỤNG ĐẤT	KÝ HIỆU	DIỆN TÍCH (M2)	TỶ LỆ (%)	SỐ DÂN (NGƯỜI)	CHIỀU CAO TRUNG BÌNH (TẦNG)	MĐXD (%)	HSSD (LẦN)
A	ĐẤT DÂN DỤNG		1.213.538	90,56				
I	ĐẤT Ở	HT,DV,DXH	571.835	42,67	8.000			
1	ĐẤT Ở HIỆN TRẠNG CHỈNH TRANG	HT1-HT26	529.249	39,50	7.467			
		HT1	39,710			2,0	60%	1,2
		HT2	34,977			2,0	60%	1,2
		HT3	34,619			2,0	60%	1,2
		HT4	12,697			2,0	60%	1,2
		HT5	24,966			2,0	60%	1,2
		HT6	12,861			2,0	60%	1,2
		HT7	14,185			2,0	60%	1,2
		HT8	13,965			2,0	60%	1,2
		HT9	3,596			2,0	60%	1,2
		HT10	2,699			2,0	60%	1,2
		HT11	2,472			2,0	60%	1,2
		HT12	8,902			2,0	60%	1,2
		HT13	8,836			2,0	60%	1,2
		HT14	20,190			2,0	60%	1,2
		HT15	17,694			2,0	60%	1,2
		HT16	39,675			2,0	60%	1,2
		HT17	37,810			2,0	60%	1,2
		HT18	40,466			2,0	60%	1,2
		HT19	20,615			2,0	60%	1,2
		HT20	37,384			2,0	60%	1,2
		HT21	31,810			2,0	60%	1,2
		HT22	17,964			2,0	60%	1,2
		HT23	24,282			2,0	60%	1,2
		HT24	20,922			2,0	60%	1,2
		HT26	6,292			2,0	60%	1,2
2	ĐẤT Ở CÓ VƯỜN	DV1-DV2	37,425	2,79	468			
		DV1	21,394			2,0	40%	0,8
		DV2	16,031			2,0	40%	0,8
3	ĐẤT NHÀ Ở XÃ HỘI	DXH	5,161	0,38	65			
		DXH	5,161			6,0	40%	2,4
II	ĐẤT CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG	GD,YT,VH,C...	150,667	11,24				
1	ĐẤT CÔNG TRÌNH GIÁO DỤC	GD1-GD3	22,616	1,69				
a	NHÀ TRẺ, MẪU GIÁO	GD1	4,209			1,0	40%	0,4
		GD2	3,005			1,0	40%	0,4
b	TRƯỜNG TIỂU HỌC	GD3	15,402			2,0	40%	0,8
2	ĐẤT CÔNG TRÌNH Y TẾ	YT	678	0,05				
	TRẠM Y TẾ (HIỆN TRẠNG)	YT	678			2,0	40%	0,8
3	ĐẤT VĂN HOÁ - TDTT	VH,TT	32,837	2,45				
a	CÂU LẠC BỘ NGƯỜI CAO TUỔI	VH1	12,088			1,0	40%	0,4
b	HỘI TRƯỜNG TỔ DÂN PHỐ	VH2	648			1,0	40%	0,4
		VH3	451			1,0	40%	0,4
		VH4	300			1,0	40%	0,4
		VH5	476			1,0	40%	0,4
		VH6	994			1,0	40%	0,4
c	SÂN LUYỆN TẬP	TT1	5,012					
		TT2	2,850					
		TT3	10,018					
4	ĐẤT CƠ QUAN	Q1 - Q7	23,548	1,76				
a	VIỆN KIỂM SÁT (HIỆN TRẠNG)	Q1	4,346			2,5	40%	1,0
b	TÒA ÁN (HIỆN TRẠNG)	Q2	1,980			2,5	40%	1,0
c	BẢO HIỂM XÃ HỘI (HIỆN TRẠNG)	Q3	1,364			2,5	40%	1,0
d	CHI CỤC THỐNG KÊ (HIỆN TRẠNG)	Q4	1,278			2,5	40%	1,0
e	LIÊN CƠ QUAN (HIỆN TRẠNG)	Q5	1,400			2,5	40%	1,0
f	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (HIỆN TRẠNG)	Q6	1,318			2,5	40%	1,0
g	CÔNG TY CẤP NƯỚC (HIỆN TRẠNG)	Q7	11,872			2,5	40%	1,0
5	ĐẤT DỊCH VỤ - THƯƠNG MẠI	C1-C7	70,988	5,29				
a	CHỢ	C1	13,749			2,5	40%	1,0
b	CÔNG TRÌNH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI CÔNG CỘNG	C2	11,917			2,5	40%	1,0
		C3	13,073			2,5	40%	1,0
		C4	13,126			2,5	40%	1,0
		C5	8,329			2,5	40%	1,0
		C6	6,210			2,5	40%	1,0
		C7	4,584			2,5	40%	1,0
III	ĐẤT CÔNG VIÊN - CÂY XANH	CX	32,653	2,44				
	CÔNG VIÊN - CÂY XANH	CX	32,653			1,0	5%	0,05
IV	ĐẤT GIAO THÔNG, BÃI ĐỖ XE	P	458,383	34,21				
1	GIAO THÔNG NỘI THỊ		432,984					
2	BÃI ĐỖ XE,QUAY XE	P	25,499					
B	ĐẤT NGOÀI DÂN DỤNG	QS,DT,MN	126,462	9,44				
1	GIAO THÔNG ĐỐI NGOẠI		31,167					
2	ĐẤT DOANH TRẠI QUÂN ĐỘI (HIỆN TRẠNG)	QS	6,674					
3	ĐẤT DỰ TRỮ	DT	36,760					
4	MẶT NƯỚC	MN	51,861					
	TỔNG CỘNG (A+B)		1.340.000	100				

GHI CHÚ :

I . NHÀ Ở
- HT : NHÀ Ở HIỆN TRẠNG CHỈNH TRANG
- DV : NHÀ Ở CÓ VƯỜN
- DXH : NHÀ Ở XÃ HỘI

II . CÔNG TRÌNH GIÁO DỤC
- GD1 - GD2 : NHÀ TRẺ, MẪU GIÁO
- GD3 : TRƯỜNG TIỂU HỌC

III . CÔNG TRÌNH Y TẾ
- YT : TRẠM Y TẾ (HIỆN TRẠNG)

IV . CÔNG TRÌNH VĂN HOÁ - TDTT
- VH1 : CÂU LẠC BỘ NGƯỜI CAO TUỔI
- VH2 - VH6 : HỘI TRƯỜNG TỔ DÂN PHỐ
- TT1 - TT3 : SÂN LUYỆN TẬP

V . CÔNG TRÌNH HÀNH CHÍNH - SỰ NGHIỆP
- Q1 : VIỆN KIỂM SÁT (HIỆN TRẠNG)
- Q2 : TÒA ÁN (HIỆN TRẠNG)
- Q3 : BẢO HIỂM XÃ HỘI (HIỆN TRẠNG)
- Q4 : CHI CỤC THỐNG (HIỆN TRẠNG)
- Q5 : LIÊN CƠ QUAN (HIỆN TRẠNG)
- Q6 : SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (HIỆN TRẠNG)
- Q7 : CÔNG TY CẤP NƯỚC (HIỆN TRẠNG)

VI . CÔNG TRÌNH DỊCH VỤ - THƯƠNG MẠI
- C1 : CHỢ
- C2 - C7 : CÔNG TRÌNH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI CÔNG CỘNG

VII . ĐẤT CÔNG VIÊN CÂY XANH
- CX : CÔNG VIÊN - CÂY XANH

VIII . GIAO THÔNG, BÃI ĐỖ XE
- P/S : BÃI ĐỖ XE, QUAY XE

IX . ĐẤT KHÁC
- DT : ĐẤT DỰ TRỮ
- MN : MẶT NƯỚC

KÝ HIỆU:

- NHÀ Ở HIỆN TRẠNG CHỈNH TRANG
- NHÀ Ở CÓ VƯỜN
- NHÀ Ở XÃ HỘI
- ĐẤT CÔNG TRÌNH GIÁO DỤC
- ĐẤT CÔNG TRÌNH Y TẾ
- ĐẤT CÔNG TRÌNH HÀNH CHÍNH - SỰ NGHIỆP
- ĐẤT CÔNG TRÌNH DỊCH VỤ - THƯƠNG MẠI
- ĐẤT QUÂN SỰ
- ĐẤT DỰ TRỮ
- ĐẤT SÂN LUYỆN TẬP
- ĐẤT TRUNG TÂM TDTT VÀ KHU PHỤ CẬN
- ĐẤT CÔNG VIÊN -CÂY XANH
- MẶT NƯỚC
- ĐƯỜNG GIAO THÔNG
- ĐƯỜNG GIAO THÔNG DỰ KIẾN
- ĐIỂM ĐỖ XE, QUAY XE
- RANH GIỚI KHÔNG QUY HOẠCH
- RANH GIỚI QUY HOẠCH

A10 | 3534 | 35 | 5 | 1.75

- DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT (M^2)
- KÍ HIỆU LÔ ĐẤT
- MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%)
- HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT (LẦN)
- TẦNG CAO TRUNG BÌNH (TẦNG)

* VỊ TRÍ ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH:

KHU VỰC ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH ĐƯỜNG TẠ QUANG BỬU (ĐOẠN TỪ ĐƯỜNG U RE ĐẾN ĐƯỜNG TRẦN PHÚ) THUỘC TỔ 5, PHƯỜNG TRƯỜNG CHINH (CŨ)

- PHÍA BẮC: GIÁP KHU ĐẤT Ở (KÝ HIỆU HT6, HT7 - ĐẤT Ở HIỆN TRẠNG CHỈNH TRANG);
- PHÍA NAM: GIÁP KHU ĐẤT Ở (KÝ HIỆU HT8, HT9 - ĐẤT Ở HIỆN TRẠNG CHỈNH TRANG);
- PHÍA ĐÔNG: GIÁP ĐƯỜNG TRẦN PHÚ;
- PHÍA TÂY: GIÁP ĐƯỜNG U RE.

* PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH: KHOẢNG 4.654M^2